

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,028,592,975,150	950,505,959,692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26,412,138,010	22,781,586,869
1. Tiền	111		26,412,138,010	22,781,586,869
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,379,218,921	33,044,285,982
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	35,379,218,921	33,044,285,982
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306,731,412,375	259,313,375,699
1. Phải thu khách hàng	131		289,725,563,319	240,089,049,308
2. Trả trước cho người bán	132		21,082,821,306	18,444,338,935
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2,848,423,951	7,705,383,657
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(6,925,396,201)	(6,925,396,201)
IV. Hàng tồn kho	140		588,764,558,279	569,104,329,879
1. Hàng tồn kho	141	V.6	588,764,558,279	569,104,329,879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71,305,647,565	66,262,381,263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	5,412,385,325	6,558,698,305
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,171,762,619	8,371,983,271
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	7,070,228	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	50,714,429,393	51,331,699,687

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất(tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		483,716,972,022	473,282,353,195
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		341,372,349,938	345,447,730,277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	322,824,494,153	325,776,563,034
<i>Nguyên giá</i>	222		499,096,660,051	492,132,549,633
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(176,272,165,898)	(166,355,986,599)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	1,474,407,822	1,525,840,656
<i>Nguyên giá</i>	225		2,057,313,274	2,057,313,274
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(582,905,452)	(531,472,618)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	13,259,853,417	13,469,083,845
<i>Nguyên giá</i>	228		17,558,874,778	17,558,874,778
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,299,021,361)	(4,089,790,933)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	3,813,594,546	4,676,242,742
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		48,331,663,661	47,763,953,591
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	44,121,663,661	43,553,953,591
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	4,210,000,000	4,210,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		37,131,216,785	21,289,119,634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	32,114,100,953	17,122,320,519
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		5,017,115,832	4,166,799,115
VI. Lợi thế thương mại	269	V.20	56,881,741,637	58,781,549,692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,512,309,947,172	1,423,788,312,887

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,134,444,452,917	1,047,334,717,761
I. Nợ ngắn hạn	310		981,018,085,802	898,560,158,442
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	610,971,651,011	615,895,682,090
2. Phải trả người bán	312		345,215,686,371	261,434,942,050
3. Người mua trả tiền trước	313		8,836,059,455	10,220,114,021
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	1,791,259,478	1,800,992,659
5. Phải trả người lao động	315		4,261,197,618	4,165,935,405
6. Chi phí phải trả	316	V.23	4,296,083,215	2,984,280,343
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	4,868,700,504	1,354,731,435
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.25	777,448,150	703,480,439
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		153,426,367,115	148,774,559,319
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	12,377,499,639	12,200,266,054
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	109,071,765,442	104,538,207,709
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	31,977,102,034	32,036,085,556
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		364,741,811,294	363,264,831,386
I. Vốn chủ sở hữu	410		364,741,811,294	363,264,831,386
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	267,107,230,000	267,107,230,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69,047,988,652	69,047,988,652
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,484,460,000)	(9,484,460,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,330,145,124	5,330,145,124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,504,149,839	3,504,149,839
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29,236,757,679	27,759,777,771
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C - LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		13,123,682,961	13,188,763,740
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,512,309,947,172	1,423,788,312,887

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		340,227.57	302,081.17
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2014

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	384,346,759,241	495,006,684,983	384,346,759,241	495,006,684,983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9,217,891,113	3,229,278,657	9,217,891,113	3,229,278,657
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		375,128,868,128	491,777,406,326	375,128,868,128	491,777,406,326
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	321,561,587,921	427,192,631,479	321,561,587,921	427,192,631,479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53,567,280,207	64,584,774,847	53,567,280,207	64,584,774,847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1,095,976,885	3,720,321,093	1,095,976,885	3,720,321,093
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	15,627,256,314	23,740,763,055	15,627,256,314	23,740,763,055
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15,357,921,310	22,359,215,957	15,357,921,310	22,359,215,957
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	29,241,575,348	26,602,906,464	29,241,575,348	26,602,906,464
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	8,036,297,444	16,149,826,966	8,036,297,444	16,149,826,966
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,758,127,986	1,811,599,455	1,758,127,986	1,811,599,455
11. Thu nhập khác	31	VI.8	102,288,711	1,960,229,488	102,288,711	1,960,229,488
12. Chi phí khác	32	VI.9	178,693,411	224,107,113	178,693,411	224,107,113
13. Lợi nhuận khác	40		(76,404,700)	1,736,122,375	(76,404,700)	1,736,122,375
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		567,710,070	(106,673,873)	567,710,070	(106,673,873)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,249,433,357	3,441,047,957	2,249,433,357	3,441,047,957
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		837,534,228	1,501,597,924	837,534,228	1,501,597,924

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			9,457,126		9,457,126
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,411,899,129	1,929,992,908	1,411,899,129	1,929,992,908
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(65,080,779)	831,365,739	(65,080,779)	831,365,739
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1,476,979,908	1,098,627,169	1,476,979,908	1,098,627,169
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		57	42	57	42

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Tôn Thị Thiện An

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,249,433,357	3,441,047,957
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,176,842,561	13,107,468,748
- Các khoản dự phòng	03		-	(446,880,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(811,084,500)	(3,090,839,378)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15,357,921,310	22,359,215,957
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26,973,112,728	35,370,013,284
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(54,457,932,676)	(24,404,382,091)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19,660,228,400)	(19,636,784,336)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		86,043,280,647	(26,877,389,767)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13,845,467,454)	(763,826,825)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(16,650,078,939)	(22,279,065,204)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(217,370,595)	(2,517,923,314)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,094,835,692	2,140,843,697
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,693,951,115)	(7,840,524,127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,586,199,889	(66,809,038,682)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,101,462,222)	(19,730,171,423)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23		(1,500,000,000)	(65,300,755,600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,100,000,000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(603,654,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2	2
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	3,197,513,251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,501,462,220)	(82,437,067,770)

Cho quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

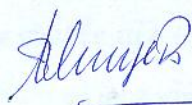
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết ết	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		251,291,232,951	475,560,200,830
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(251,626,919,479)	(410,422,656,831)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(118,500,000)	(419,930,400)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(454,186,528)	64,717,613,599
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3,630,551,143	(84,528,492,853)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22,781,586,869	131,787,822,045
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26,412,138,011	47,259,329,191

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2014

Tổng giám đốc





Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

- Tổng số các Công ty con:** 02

Trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	71,13%	71,13%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	30%	30%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	30%	30%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 Công ty có 788 nhân viên đang làm việc tại (cuối năm trước là 781 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">• Quỹ đầu tư phát triển• Quỹ dự phòng tài chính• Quỹ khen thưởng, phúc lợi | <p>Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty</p> <p>Quỹ dự phòng tài chính được dùng để chi cho các tổn thất, thiệt hại phát sinh trong hoạt động SXKD như các khoản phạt vi phạm chế độ tài chính, các khoản phạt về thực hiện hợp đồng, các khoản phạt vi phạm khác.</p> <p>Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động</p> |
|--|---|

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phân loại nợ phải trả tài chính

Phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014:****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5,490,715,419	3,542,355,714
Tiền gửi ngân hàng	20,819,422,591	18,511,231,155
Tiền đang chuyển	102,000,000	728,000,000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		
Cộng	26,412,138,010	22,781,586,869

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Hiway VN Vay tiền theo HĐ số 02/2011 ngày 02/01/2012		7,219,984,006		6,999,168,447
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng vay		28,159,234,915		26,045,117,535
Cộng		35,379,218,921		33,044,285,982

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		(12,881,052,941)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		446,880,000
Số cuối kỳ		(12,434,172,941)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền cho vay	205,941,532	219,582,057
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi		4,100,000,000
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	43,624,117	53,163,361
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ		242,115,109
Bồi thường hỗ trợ đất tại NM Phòng	1,917,496,000	2,419,200,000
Các khoản phải thu khác và thuế GTGT chưa khấu trừ	681,362,302	671,323,130
Cộng	2,848,423,951	7,705,383,657

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(6,538,454,841)	(6,725,585,600)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>		(187,130,759)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(5,598,617,600)	(5,598,617,600)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(454,994,317)	(454,994,317)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm</i>	(484,842,924)	(484,842,924)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(386,941,360)	(199,810,601)
Cộng	(6,925,396,201)	(6,925,396,201)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	14,814,779,736	40,436,098,661
Nguyên liệu, vật liệu	414,927,443,043	401,885,603,352
Công cụ, dụng cụ	10,636,591,705	10,059,240,845
Thành phẩm	121,579,300,365	97,118,770,396
Hàng hóa	26,806,443,430	19,604,616,625
Cộng	588,764,558,279	569,104,329,879

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành phẩm		
Hàng hóa		
Hàng gửi bán		
Cộng		

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	344,454,726	382,314,108
Công cụ dụng cụ	295,743,145	827,946,966
CP quảng cáo, biển hiệu	269,390,500	2,194,178,533
Chi phí thuê nhà	2,782,452,507	2,620,227,799
Sửa chữa TB, nhà VP	56,200,248	
Chi phí khác	1,664,144,199	534,030,899
Cộng	5,412,385,325	6,558,698,305

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế Thu nhập cá nhân và thuế GTGT nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	39,362,998,041	40,621,421,356
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10,723,095,919	10,061,956,592
Tài sản thiếu chờ xử lý	628,335,433	648,321,739
Tài sản ngắn hạn khác		
Cộng	50,714,429,393	51,331,699,687

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	185,211,853,751	241,900,061,103	53,703,173,209	11,317,461,570	492,132,549,633
Mua trong kỳ		6,884,531,010		79,579,408	6,964,110,418
Đầu tư XD CB hoàn thành					
Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
Chuyển sang CCDC					
Thanh lý trong kỳ					
Số cuối kỳ	185,211,853,751	248,784,592,113	53,703,173,209	11,397,040,978	499,096,660,051
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	23,599,541,135	117,426,424,200	20,618,297,135	4,711,724,129	166,355,986,599
Khấu hao trong kỳ	1,687,900,416	6,500,908,679	1,314,211,020	413,159,184	9,916,179,299
Thanh lý trong kỳ					
Giảm khác					
Số cuối kỳ	25,287,441,551	123,927,332,879	21,932,508,155	5,124,883,313	176,272,165,898
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	161,612,312,616	124,473,636,903	33,084,876,074	6,605,737,441	325,776,563,034
Số cuối kỳ	159,924,412,200	124,857,259,234	31,770,665,054	6,272,157,665	322,824,494,153

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		2.057.313.274	2,057,313,274
Thuê tài chính trong năm			
Mua lại TSCĐ thuê tài chính			
Số cuối kỳ		2,057,313,274	2,057,313,274
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		531,472,618	531,472,618
Khấu hao trong năm		51,432,834	51,432,834

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Mua lại TSCĐ thuê tài chính			
Số cuối kỳ		582,905,452	582,905,452
Giá trị còn lại			
Số đầu năm		1,525,840,656	1,525,840,656
Số cuối kỳ		1,474,407,822	1,474,407,822

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11,160,608,991	6,398,265,787	17,558,874,778
Mua trong năm			
Giảm khác			
Giảm do thanh lý công ty con			
Số cuối kỳ	11,160,608,991	6,398,265,787	17,558,874,778
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1,608,168,360	2,481,622,573	4,089,790,933
Khấu hao trong năm	12,868,086	196,362,342	209,230,428
Giảm khác			
Giảm do thanh lý công ty con			
Số cuối kỳ	1,621,036,446	2,677,984,915	4,299,021,361
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9,552,440,631	3,916,643,214	13,469,083,845
Số cuối kỳ	9,539,572,545	3,720,280,872	13,259,853,417

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác và giảm thanh lý công ty con	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1,777,931,274		598,931,274		1,179,000,000
Đầu tư NM SHI- Chu Lai	2,634,594,546				2,634,594,546
Công trình Ngọc Khánh	263,716,922	3,531,028,285	3,794,745,207		
Các công trình khác					
Cộng	4,676,242,742	3,531,028,285	4,393,676,481		3,813,594,546

15. Đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex ⁽ⁱ⁾	Kinh doanh siêu thị	63.932.530.000	71,13%	71,13%	71,13%	71,13%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn hà Chu Lai ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh các SP inox	10.000.000.000	100%	100%	100%	100%

- (i) Công ty đầu tư mua cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyển nhượng). Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 75,79% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex. Năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex tăng vốn điều lệ lên 63.932.530.000 VND phát hành cho các cổ đông khác, theo đó tỉ lệ sở hữu của Công ty còn 71,3%.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 ngày 31 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2014, Công ty đã góp 3.529.240.000 VND vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai. Số vốn còn phải góp là 6.470.760.000 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản	30%	15.000.000.000	30%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất, thương mại	30%	29,121,663,661	30%	28,553,953,591
Cộng			44,121,663,661		43,553,953,591

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635 ngày 04 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 40,8 tỷ VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ 40,8 tỷ VND (trong đó vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND). Trong tháng 11/2013 Công ty đã bán 1.680.000 cổ phiếu, vậy số cổ phiếu còn lại là: 2.400.000 cổ phiếu tương ứng 30% vốn điều lệ, vậy Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn trở thành Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư	Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thoái vốn	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2014
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	24.000.000.000	5,121,663,661	29,121,663,661
Cộng	39.000.000.000	5,121,663,661	44,121,663,661

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>		4.210.000.000		4.210.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty CP Hiway Việt Nam(i)		1.500.000.000		1.500.000.000
Cộng		4.210.000.000		4.210.000.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105624598 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam 7.500.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp đủ 7.500.000.000 VND. Tuy nhiên thực hiện Nghị quyết số 151011/2011/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2011 liên quan đến việc xem xét tính khả thi và lợi nhuận dự án mang lại để quyết định về thời hạn đầu tư, ngày 25 tháng 10 năm 2012 HĐQT Công ty đã họp và quyết định chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam. Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1695/2012/HĐ-SHI ngày 26 tháng 11 năm 2012 với ông Lê Việt Quang. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013 Công ty chỉ còn sở hữu 150.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam, tương đương với 15% vốn điều lệ.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	5,585,468,423	1,354,945,092	(1,525,198,831)	5,415,214,684
Chi phí quảng cáo	3,988,704	15,457,745,768	(1,281,003,791)	14,180,730,681
Phí bảo hiểm tài sản	75,641,866		(18,673,959)	56,967,907
Chi phí sửa chữa tài sản	52,810,532		(24,968,445)	27,842,087
Chi phí thuê văn phòng	138,709,673		(16,666,668)	122,043,005
Chi phí đền bù siêu thị Vinaconex	4,457,773,735		(102,011,490)	4,355,762,245
Các chi phí khác	6,807,927,586	2,078,696,518	(931,083,760)	7,955,540,344
Cộng	17,122,320,519	18,891,387,378	(3,899,606,944)	32,114,100,953

19. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại Công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Số đầu năm	58.781.549.692
Số phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(1,899,808,055)
Số cuối kỳ	56.881.741.637

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	586,021,643,059	582,050,265,854
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	52,013,620,934	82,016,375,979
Ngân hàng TMCP Hàng hải	76,753,445,905	91,953,676,022
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	52,163,455,419	32,073,171,964
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	229,650,141,185	188,580,278,767
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	42,730,516,723	79,247,116,652
Ngân hàng TMCP BIDV Hà Tây	132,710,462,893	108,179,646,470
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác		
Vay dài hạn đến hạn trả	24,594,507,952	33,371,416,236
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	355,500,000	474,000,000
Cộng	610,971,651,011	615,895,682,090

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu phát hành đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	582,050,265,854	33,371,416,236	474,000,000		615,895,682,090
Tiền vay phát sinh trong kỳ	246,757,675,218				246,757,675,218
Số kết chuyển					
Tăng giảm khác (chênh lệch tỷ giá)	63,957,676	(244,494)			63,713,182
Tiền vay đã trả trong kỳ	(242,850,255,689)	(8,776,663,790)	(118,500,000)		(251,745,419,479)
Số cuối kỳ	586,021,643,059	24,594,507,952	355,500,000		610,971,651,011

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	87,521,877	212,041,473	154,451,036	145,112,214
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	27	14,003,594,192	14,042,831,438	(39,237,219)
Thuế xuất, nhập khẩu	(75,597,748)	651,834,795	716,300,937	(140,063,890)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	217,370,595	837,534,228	217,370,595	837,534,228
Thuế thu nhập cá nhân	367,909,834	17,888,620	358,558,885	27,239,569
Tiền thuế đất	1,033,079,860	292,726,554	501,704,000	824,102,414
Các loại thuế khác	170,708,214	581,250,223	615,386,275	136,572,162
Cộng	1,800,992,659	16,596,870,085	16,606,603,166	1,791,259,478

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,249,433,357	3,441,047,957
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1,557,540,405	2,565,343,740
- Các khoản điều chỉnh tăng	2,125,250,476	2,813,172,242
Lỗ của Chi nhánh HCM		108,495,465
Lỗ, lãi của Công ty con Vinaconex	225,442,421	698,194,849
Lỗ trong Công ty liên kết		106,673,873
Lợi thế thương mại	1,899,808,055	1,899,808,055
Chi phí không hợp lệ		
Lỗ do đánh giá lại tiền và công nợ phải thu		
Hoàn nhập dự phòng CTY liên kết đã thanh lý		
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ		
Các khoản điều chỉnh giảm:	(567,710,070)	(247,828,502)
Cổ tức, lợi nhuận được chia		(210,000,000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước		
Lãi đã thực hiện do hợp nhất kinh doanh		
Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết		
Lãi Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	(567,710,070)	(37,828,502)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ năm trước đã thực hiện trong năm nay		
Thu nhập tính thuế	3,806,973,762	6,006,391,697
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	837,534,228	1,501,597,923
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%		
Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		77,110,061
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	837,534,228	1,578,707,984

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐĐTĐN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m².

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả		1,292,157,629
Chi phí sản xuất kinh doanh	159,307,098	
Chi phí bảo hành		
Khuyến mại	4,065,927,972	366,521,275
Chi phí khác	70,848,145	1,325,601,439
Cộng	4,296,083,215	2,984,280,343

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết		50,141,399
Kinh phí công đoàn	1,032,030,260	898,636,446
Bảo hiểm xã hội	1,494,672,328	9,289,370
Thù lao HĐQT, BKS		144,000,000
Phải trả, phải nộp khác	2,341,997,916	252,664,220
Cộng	4,868,700,504	1,354,731,435

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	677,949,939	25.530.500	703,480,439
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	79,229,195		79,229,195

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Tăng khác			
Chỉ quỹ trong năm	5,261,484		5,261,484
Số cuối kỳ	751,917,650	25.530.500	777,448,150

25. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	3,077,499,639	2,900,266,054
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Kiến Hưng	9.300.000.000	9.300.000.000
Cộng	12,377,499,639	12,200,266,054

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	108,635,338,442	104,101,780,709
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Sở Giao dịch ^(a)	5,378,115,869	5,378,115,869
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Hà Tây ^(b)	100,468,890,421	95,935,332,688
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	1,144,769,652	1,144,769,652
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Mỹ Đình	1,643,562,500	1,643,562,500
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	250,000,000	250,000,000
Nợ dài hạn (Công ty cho thuê tài chính)	186,427,000	186,427,000
Cộng	109,071,765,442	104,538,207,709

(a) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng 01/HDTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTĐTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex cùng toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại các tổ chức tín dụng khác.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	108,635,338,442		108,635,338,442	
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	250,000,000		250,000,000	
Thuê tài chính	186,427,000		186,427,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Cộng	109,071,765,442		109,071,765,442	.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn		Nợ dài hạn	
	ngân hàng, cá nhân	Thuê tài chính	khác	Cộng
Số đầu năm	104,101,780,709	186,427,000	250,000,000	104,538,207,709
Số tiền vay phát sinh	4,533,557,733			4,533,557,733
Số tiền vay đã trả				
Số kết chuyển				
Tăng khác (CLTG)				
Số cuối kỳ	108,635,338,442	186,427,000	250,000,000	109,071,765,442

27. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê mặt bằng	31,840,611,174	32,036,085,556
Doanh thu khác	136,490,860	
Cộng	31,977,102,034	32,036,085,556

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm , Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)		5,330,145,124	3,504,149,839	27,759,777,771	363,264,831,386
Lợi nhuận trong kỳ							1,476,979,908	1,476,979,908
Trích lập các quỹ trong kỳ								
Thưởng cho Ban lãnh đạo bằng cổ phiếu quỹ								
Mua lại cổ phiếu trong kỳ								
Thù lao Ban kiểm soát								
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ trước								
Chia cổ tức								
Thoái vốn công ty liên kết								
Thù lao HĐQT								
Số dư cuối kỳ	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)	-	5.330.145.124	3.504.149.839	29,236,757,679	364,741,811,294

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2014 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	25.680.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	62.067.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	48.950.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	130.410.210.000
Cộng	267.107.230.000	267.107.230.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	716.060	716.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.994.663	25.994.663

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13,188,763,740	57,254,450,497
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong năm		
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(65,080,779)	831,365,739
Số cuối kỳ	13,123,682,961	58,085,816,236

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	384,346,759,241	495,006,684,983
- Doanh thu bán hàng hóa	28,974,427,764	62,149,164,608
- Doanh thu bán thành phẩm	333,374,115,175	419,538,131,566
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	21,998,216,302	13,319,388,809
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9,217,891,113)	(3,229,278,657)
Doanh thu thuần	375,128,868,128	491,777,406,326
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	28,974,427,764	59,243,461,000
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	324,156,224,062	419,214,556,517
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	21,998,216,302	13,319,388,809

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	24,222,525,860	52,001,168,794
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	282,292,139,765	371,756,506,293
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15,046,922,296	3,434,956,392
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	321,561,587,921	427,192,631,479

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	811,084,500	1,626,062,251
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		1,361,451,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		210,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	284,892,385	522,807,842
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Khác		
Cộng	1,095,976,885	3,720,321,093

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	15,357,921,310	22,359,215,957
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	256,423,004	1,643,626,252
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(421,315,165)
Chi phí tài chính khác	12,912,000	159,236,011
Cộng	15,627,256,314	23,740,763,055

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	5,753,853,869	5,954,008,385
Chi phí vật liệu, bao bì		222,419,158
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	200,712,572	1,125,495,984
Chi phí khấu hao TSCĐ	525,884,604	2,328,281,129
Chi phí bảo hành	58,198,975	73,816,440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,452,037,215	2,443,682,422
Chi phí bằng tiền khác	15,250,888,113	14,455,202,946
Cộng	29,241,575,348	26,602,906,464

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,740,055,053	6,341,921,512
Chi phí vật liệu quản lý	31,546,727	120,639,241
Chi phí đồ dùng văn phòng	135,173,693	1,306,204,710
Chi phí khấu hao TSCĐ	907,378,369	1,662,171,025
Thuế, phí và lệ phí	133,770,921	245,106,601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,071,501,955	1,540,329,051
Chi phí bằng tiền khác	4,016,870,726	4,933,454,826
Cộng	8,036,297,444	16,149,826,966

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	73,750,000	7,304,500
Thu nhập khác	28,538,711	1,952,924,988
Cộng	102,288,711	1,960,229,488

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý		
Phạt do vi phạm hợp đồng, phạt hành chính	3,002,227	6,700,000
Tiền thuế bị phạt, truy thu	168,000,000	84,434,309
Chi phí khác	7,691,184	132,972,804
Cộng	178,693,411	224,107,113

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,476,979,908	1,098,627,169
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,476,979,908	1,098,627,169
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.994.663	25,994,663
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	57	42
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	25.994.663	25,994,663
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông bán ra		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.994.663	25,994,663

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng đầu tư dự án		41,428,327,000
Thanh toán tạm ứng		
Ban điều hành		
Tạm ứng		
Thanh toán tạm ứng		
Ủy thác đầu tư		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	37,647,162,629	37,647,162,629
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu	37,647,162,629	37,647,162,629

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex		
Cho vay		5,930,701,120
Lãi cho vay	2,418,308,000	1,908,485,000
Chuyển tiền lãi sang nợ gốc vay	3,218,107,000	
Thu nợ gốc		
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai		
Góp vốn bằng tiền	2,376,000	603,654,000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Bán hàng hóa, thành phẩm	49,870,479,471	51,318,488,870
Cho thuê tài sản	30,283,635	30,283,635
Mua lại tài sản của công ty con		670,385,606
Bán TSCĐ, CCDC		
Thuê tài sản của công ty con	39,860,970	39,860,970
Mua vật tư của Sơn Hà Sài Gòn	996,231,263	913,190,810
Vận chuyển hàng hóa		3,046,232

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Cho vay vốn	1,500,000,000	
Lãi cho vay	614,117,380	710,755,600
Chuyển tiền lãi sang nợ gốc vay	2,460,972,635	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	71,586,751,580	57,947,014,579
Phải thu khác		10,909,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex		
	106,362,709,665	103,944,401,665

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2014, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2014 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay dài hạn	12.563.428.598	12.563.428.598
Phải thu về cho vay ngắn hạn	91,380,973,067	88,162,866,067
Phải thu về lãi vay	2,418,308,000	3,218,107,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	28,159,234,915	26,045,117,535
Phải thu về cho vay dài hạn	27,545,117,535	23,584,144,900
Phải thu về lãi cho vay	614,117,380	2,460,972,635
Cộng nợ phải thu	206,108,696,160	187,936,533,779

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Hoàng Hà